

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP
CÔNG TY CP CK-LM SÔNG ĐÀ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 24 CT-TCKT
“V/v: MEC công bố BCTC Hợp nhất
kiểm toán năm 2020)

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2021

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà
2. Mã chứng khoán: MEC
3. Địa chỉ trụ sở chính: Lô A38 Khu dịch vụ Đồng Dưa, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Hà Nội, Việt Nam.
4. Điện thoại: 024.3783.2398 Fax: 024.3783.2397
5. Người Công bố thông tin: Khiếu Mạnh Tuấn - Tổng Giám đốc công ty.
6. Nội dung của thông tin công bố:


Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà được lập ngày 20 tháng 03 năm 2021 bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Văn bản số 22 CT/TCKT ngày 26/03/2021 giải trình chênh lệch lợi nhuận hợp nhất năm 2020 so với cùng kỳ năm 2019.

Văn bản số 23 CT-TCKT ngày 26/03/2021 giải trình chênh lệch lợi nhuận trước và sau kiểm toán BCTC hợp nhất năm 2020.

Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà: www.someco.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận: 
- Như kính gửi;
- Lưu TCKT; TCHC.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Khiếu Mạnh Tuấn

Số: 22 CT-TCKT

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2021

“V/v: Giải trình chênh lệch LNST hợp
nhất năm 2020 so với cùng kỳ năm
2019”

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.


Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà, mã chứng khoán MEC, xin báo cáo
chênh lệch lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2020 so với cùng kỳ năm 2019:

ĐVT: Nghìn đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Chênh lệch	Biến động
1	LN sau thuế	-31.951.317	-64.461.803	32.510.486	-50,43%

Nguyên nhân: Do đơn vị đã tiết kiệm được chi phí quản lý và hoàn nhập được một số
khoản đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi năm 2018 và năm 2019 trong năm
2020.

Trân trọng!

Nơi nhận: 
- Như kính gửi;
- Lưu TCHC, TCKT.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN



TỔNG GIÁM ĐỐC
Khiếu Mạnh Tuấn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN
CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	14 - 40

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí – Lắp máy Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Nhóm công ty”).

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước, Công ty Cơ khí - Lắp máy Sông Đà theo Quyết định số 2125/QĐ-BXD ngày 15 tháng 11 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5400240573, đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 5 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 22 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do bổ sung ngành nghề kinh doanh, tăng vốn điều lệ, đổi tên Công ty và thay đổi địa chỉ. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 22 ngày 05 tháng 09 năm 2019 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại : 0243 7832398

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh 1	Đường Lê Thánh Tông, phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
Chi nhánh 5	Lô K, Khu công nghiệp Liên Chiểu, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo đăng ký

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ; Xây dựng công trình kỹ thuật (công nghiệp đường dây và trạm biến thế đến 500KV);
- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Trần Thanh Sơn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019
Ông Lê Trọng Nghĩa	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Khiếu Mạnh Tuấn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019
Ông Vũ Anh Đoàn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2020
Bà Đỗ Thị Ngọc	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2020
Bà Quang Thị Kim Dung	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2020
Ông Phạm Minh Quyền	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Tạ Hoàng Cường	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019
Bà Ninh Thị Thu Huyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019
Ông Lê Văn Tâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017

Tổng Giám đốc Công ty là ông Khiếu Mạnh Tuấn, bổ nhiệm ngày 3 tháng 9 năm 2019.

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Khiếu Mạnh Tuấn - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 03 tháng 9 năm 2019).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Nhóm công ty

Trách nhiệm của Tổng giám đốc

Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tổng giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Nhóm công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Nhóm công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Tổng giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tổng Giám đốc



Khiếu Mạnh Tuấn

Ngày 20 tháng 3 năm 2021

816
NH
ONG
PHIEN
DAN
A &
AI HI
ĐA

Head Office	: 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam	
	Tel: +84 (028) 3547 2972	Fax: +84 (028) 3547 2970
Branch in Ha Noi	: 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam	kttv@a-c.com.vn
	Tel: +84 (024) 3736 7879	Fax: +84 (024) 3736 7869
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam	kttv.hn@a-c.com.vn
	Tel: +84 (0258) 246 5151	Fax: +84 (0258) 246 5806
Branch in Can Tho	: 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam	kttv.nt@a-c.com.vn
	Tel: +84 (0292) 376 4995	Fax: +84 (0292) 376 4996
		kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 2.0177/21/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 20 tháng 3 năm 2021, từ trang 07 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Một số khoản công nợ phải thu khách hàng, nợ phải trả người bán chưa được đối chiếu, xác nhận với các đối tượng liên quan với số tiền tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2020 lần lượt là 305.944.636.737 VND, 151.474.300.364 VND và thời điểm 01 tháng 01 năm 2020 lần lượt là 321.785.796.357 VND, 153.613.393.526 VND (xem thuyết minh V.3, V.13).

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		531.180.392.202	543.688.716.433
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	6.149.816.156	3.889.017.275
1. Tiền	111		6.149.816.156	3.889.017.275
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		325.689.662.168	312.579.342.457
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	305.944.636.737	321.785.796.357
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	21.149.877.302	21.237.274.174
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	2.659.332.458	2.659.332.458
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	63.118.927.469	51.947.082.896
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(67.183.111.798)	(85.050.143.428)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		179.727.419.047	207.751.558.818
1. Hàng tồn kho	141	V.8	179.727.419.047	207.751.558.818
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		19.613.494.831	19.468.797.883
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	9.701.821	1.200.000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		19.603.793.010	19.467.597.883
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		235.186.744.713	243.781.437.936
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		48.000.000	48.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	48.000.000	48.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		189.427.927.319	197.947.337.900
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	187.807.927.319	196.327.337.900
<i>Nguyên giá</i>	222		333.046.558.451	333.046.558.451
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(145.238.631.132)	(136.719.220.551)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	1.620.000.000	1.620.000.000
<i>Nguyên giá</i>	228		2.175.809.000	2.175.809.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(555.809.000)	(555.809.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		781.492.174	781.492.174
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		781.492.174	781.492.174
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		37.190.731.813	37.411.179.907
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2a	37.170.731.813	37.391.179.907
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	20.000.000	20.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		7.738.593.407	7.593.427.955
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	7.465.603.656	7.310.327.472
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	272.989.751	283.100.483
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		766.367.136.915	787.470.154.369

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		831.151.746.167	820.037.310.238
I. Nợ ngắn hạn	310		736.863.263.028	710.748.827.099
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	151.474.300.364	153.613.393.526
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	69.745.128.227	68.467.454.751
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	87.774.448.181	86.048.503.942
4. Phải trả người lao động	314		15.478.065.779	11.989.689.130
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	61.973.625.378	55.991.278.892
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	111.019.400.970	93.810.151.780
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	237.424.674.566	238.818.135.515
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	1.973.619.563	2.010.219.563
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		94.288.483.139	109.288.483.139
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	94.263.018.061	109.263.018.061
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		25.465.078	25.465.078
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)


NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(64.784.609.252)	(32.567.155.869)
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	(64.784.609.252)	(32.567.155.869)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		83.536.200.000	83.536.200.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		83.536.200.000	83.536.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		11.927.177.227	11.927.177.227
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		42.340.512.899	42.340.512.899
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(206.327.697.060)	(174.376.379.590)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(174.376.379.590)	(174.376.379.590)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(31.951.317.470)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		3.739.197.682	4.005.333.595
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		766.367.136.915	787.470.154.369

Lập, ngày 20 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Lê Thị Xuân

Phạm Văn Hiện

 02-C
 NH
 TY
 HỮU H
 TƯ V
 C
 NỘI
 TP

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	77.128.269.901	87.328.546.030
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	4.834.608.459	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		72.293.661.442	87.328.546.030
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	76.338.551.889	79.456.497.205
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(4.044.890.447)	7.872.048.825
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	188.696.593	6.529.891
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	30.720.639.576	34.364.928.666
Trong đó: chi phí lãi vay	23		30.720.639.576	34.364.928.666
8. Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2a	(220.448.094)	(213.330.778)
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	(6.612.707.800)	35.050.411.067
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(28.184.573.724)	(61.750.091.795)
11. Thu nhập khác	31		3.805.133	88.277.963
12. Chi phí khác	32	VI.7	4.026.574.060	3.622.278.144
13. Lợi nhuận khác	40		(4.022.768.927)	(3.534.000.181)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(32.207.342.651)	(65.284.091.976)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		10.110.732	10.110.732
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(32.217.453.383)	(65.294.202.708)
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(31.951.317.470)	(64.461.803.167)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(266.135.913)	(832.399.541)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	(3.825)	(7.717)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	(3.825)	(7.717)

Lập, ngày 20 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Lê Thị Xuân

Phạm Văn Hiện



Tổng Giám đốc

Khiếu Mạnh Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(32.207.342.651)	(65.284.091.976)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	8.519.410.581	9.702.891.014
- Các khoản dự phòng	03 VI.6	(17.867.031.630)	19.042.185.354
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04 VI.4	(13.854.153)	3.260.400
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	220.448.094	213.330.778
- Chi phí lãi vay	06 VI.5	30.720.639.576	34.364.928.666
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(10.627.730.183)	(1.957.495.764)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	4.620.516.792	33.569.719.067
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	28.024.139.771	10.597.145.123
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	2.057.870.723	(16.925.818.276)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(163.778.005)	752.638.203
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(5.234.795.861)	(2.678.879.936)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(36.600.000)	(83.700.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	18.639.623.237	23.273.608.417
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	-	(454.132.500)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	30.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	-	(424.132.500)

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18	2.507.731.411	6.433.865.040
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(18.886.555.767)	(29.396.961.532)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(16.378.824.356)	(22.963.096.492)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		2.260.798.881	(113.620.575)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	3.889.017.275	4.002.637.850
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	6.149.816.156	3.889.017.275

Người lập biểu

Lê Thị Xuân

Kế toán trưởng

Phạm Văn Hiện

Lập, ngày 20 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc



Khiếu Mạnh Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ khí – Lắp máy Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Xây lắp, gia công và lắp đặt công trình cơ khí.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm là: Chế tạo, lắp đặt các thiết bị cho các công trình xây dựng; Đúc sắt thép, kim loại màu; Xây dựng công trình kỹ thuật (công nghiệp, đường dây và trạm biến thế đến 500KV); Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ và các loại hình sản xuất, kinh doanh điện khác.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Một số công trình như Đăkpru1, Rào Trăng 4... Công ty ký hợp đồng với đơn giá cạnh tranh. Tuy nhiên, trong quá trình thi công giá vật tư tăng rất cao dẫn đến kết quả kinh doanh thua lỗ;

Nhiều công trình đơn vị thi công xong từ rất lâu như Nậm Chiến 1, Nậm chiến 2, Nậm Công, Sừ Pán... Công ty đã nghiệm thu bàn giao cho chủ đầu tư đưa vào sử dụng. Tuy nhiên, công tác thanh toán chủ đầu tư rất chậm làm cho Công ty gặp nhiều khó khăn trong việc trả nợ gốc ngân hàng, dẫn đến chi phí lãi vay rất lớn.

6. Cấu trúc Nhóm công ty

Nhóm công ty bao gồm Công ty mẹ và 03 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

6a. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang	Thôn Nậm Choong, xã Quảng Nguyên, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang	Sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm	89,96%	89,88%	89,96%	89,88%
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco	Tầng 4, số nhà 117 đường Nguyễn Viêt Xuân, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, Hà Nội	Thiết kế cơ khí	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco	Số nhà 10 TT33, KĐT Văn Phú, phường Phú La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Thí nghiệm và xây lắp	100%	100%	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6b. Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Công ty chỉ đầu tư vào công ty liên kết là Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 có trụ sở chính tại Bản Đồng Mác, xã Quý Hòa, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn. Hoạt động kinh doanh chính của công ty này là sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ sở hữu của Công ty tại công ty này là 24% và 67% do các cổ đông khác chưa góp đủ vốn theo cam kết (số đầu năm là 24% và 67%).

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, có 207 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Nhóm công ty (số đầu năm là 282 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Nhóm công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Nhóm công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Nhóm công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Nhóm công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Nhóm công ty đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phân chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Nhóm công ty và ngân hàng.

15-01
NHÂN
HỢP T
HỆM H
AN VÀ
& C
I HÀ
ĐA -

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm công ty chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Nhóm công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Nhóm công ty thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Nhóm công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Nhóm công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Nhóm công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Nhóm công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty không trích lập dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác do khoản đầu tư này Công ty nhận ủy thác đầu tư nên không chịu rủi ro

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Nhóm công ty và người mua là đơn vị độc lập với Nhóm công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh (SXKD) dở dang cuối năm được xác định cho từng công trình (CT) hạng mục công trình (HMCT) như sau:

$$\text{Chi phí SXKD dở dang cuối năm (CT, HMCT)} = \frac{\text{Chi phí SXKD dở dang đầu năm (CT, HMCT)} + \text{Chi phí SXKD phát sinh trong năm (CT, HMCT)}}{\text{Giá trị sản lượng dở dang đầu năm (CT, HMCT)} + \text{Giá trị sản lượng thực hiện trong năm (CT, HMCT)}} \times \text{Giá trị sản lượng dở dang cuối năm (CT, HMCT)}$$

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Nhóm công ty bao gồm:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 12 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Nhóm công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (50 năm).

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 06
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Nhóm công ty bao gồm:

Giá trị thương hiệu Sông Đà

Giá trị thương hiệu Sông Đà được xác định bằng 5% vốn điều lệ của Công ty theo Quyết định số 294TC/HĐQT ngày 25 tháng 5 năm 2004 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Sông Đà khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Giá trị thương hiệu Sông Đà được khấu hao trong thời gian 05 năm và đã khấu hao hết.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Nhóm công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Nhóm công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Nhóm công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

14. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán điện thành phẩm

Doanh thu bán điện thành phẩm được ghi nhận hàng tháng căn cứ vào Biên bản xác nhận sản lượng điện năng đã phát vào lưới điện quốc gia được Tổng công ty Điện lực miền Bắc xác nhận và đơn giá quy định trong hợp đồng và các phụ lục hợp đồng mua bán điện đã được ký kết.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Nhóm công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chi được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

5-06
TÁNH
TY
HỮU
T
C
A N
- TT

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Nhóm công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Nhóm công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.063.694.564	1.054.701.273
Tiền gửi ngân hàng	5.086.121.592	2.834.316.002
Cộng	6.149.816.156	3.889.017.275

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư vào công ty liên kết

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2 ngày 23 tháng 08 năm 2017, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 là 162.000.000.000 VND tương đương 16.200.000 cổ phần. Công ty sở hữu 3.912.482 Cổ phần tương ứng 24% vốn điều lệ.

Chi tiết khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	37.391.179.907	37.604.510.685
Lợi nhuận phát sinh trong năm	(220.448.094)	(213.330.778)
Cộng	37.170.731.813	37.391.179.907

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Là khoản ủy thác đầu tư của cán bộ công nhân viên vào Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên – Sông Đà 7.

Giá trị hợp lý

Nhóm công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chưa niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	203.390.859.976	205.299.375.061
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	188.732.134.760	187.734.647.433
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	151.704.090	151.704.090
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	94.063.956	94.063.956
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	150.608.853	2.367.419.683
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	6.182.844	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	130.470.486	130.470.486
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	703.775.379	703.775.379
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên	2.925.882.302	3.025.882.302
Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1	99.865.504	99.865.504
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	4.536.870.644	5.428.561.863
Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long	327.959.347	959.041.852
Công ty Cổ phần Thủy điện Đak Glei	38.180.400	38.180.400
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	4.188.923.057	3.375.730.088
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	1.304.238.354	1.190.032.025

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	102.553.776.761		116.486.421.296	
Công ty Cổ phần Thủy điện Sử Pán 2	33.814.658.280		55.767.084.237	
Các khách hàng khác	68.739.118.481		60.719.337.059	
Cộng	305.944.636.737		321.785.796.357	
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn				
	Số cuối năm		Số đầu năm	
Công ty TNHH Thủy lực Yên Linh	7.385.850.000		7.385.850.000	
Ông Đỗ Văn Lâm	2.997.545.015		2.997.545.015	
Các nhà cung cấp khác	10.766.482.287		10.853.879.159	
Cộng	21.149.877.302		21.237.274.174	
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn				
	Số cuối năm		Số đầu năm	
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	159.332.458		159.332.458	
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	159.332.458		159.332.458	
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	2.500.000.000		2.500.000.000	
Cho Công ty Đầu tư Xây dựng và Phát triển năng lượng Phúc Khánh	2.500.000.000		2.500.000.000	
Cộng	2.659.332.458		2.659.332.458	
6. Phải thu khác				
6a. Phải thu ngắn hạn khác				
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	63.118.927.469	(8.469.746.829)	51.947.082.896	(8.469.746.829)
Tạm ứng	31.026.121.145		27.860.254.881	
Tiền thuế GTGT đầu ra chưa xuất hóa đơn	15.128.996.574		6.676.588.675	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc - Lãi cho vay	8.076.597.856	(8.076.597.856)	8.076.597.856	(8.076.597.856)
Ký cược, ký quỹ	731.580.340		1.281.448.566	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	8.155.631.554	(393.148.973)	8.052.192.918	(393.148.973)
Cộng	63.118.927.469	(8.469.746.829)	51.947.082.896	(8.469.746.829)
6b. Phải thu dài hạn khác				
Là khoản đặt cọc vỏ bình ga.				

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Thủy điện Sử Pán 2	44.967.084.237	(44.967.084.237)	55.767.084.237	(55.767.084.237)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc	8.604.051.096	(8.604.052.904)	15.571.084.534	(15.571.084.534)
Các đối tượng khác	13.885.471.084	(13.611.974.657)	13.885.471.084	(13.711.974.657)
Cộng	67.914.261.917	(67.183.111.798)	85.223.639.855	(85.050.143.428)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	85.050.143.428	66.007.958.074
Trích lập dự phòng bổ sung	-	19.542.185.354
Hoàn nhập dự phòng	(17.867.031.630)	(500.000.000)
Số cuối năm	67.183.111.798	85.050.143.428

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	7.701.821.394	-	8.930.200.574	-
Công cụ, dụng cụ	107.367.581	-	132.503.896	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	171.918.230.072	-	198.688.854.348	-
Công trình Nậm Ly 1	4.640.723.551	-	20.302.130.832	-
Công trình thủy điện Xekaman 1	46.196.219.732	-	51.465.632.996	-
Công trình thủy điện Xekaman 3	22.108.406.164	-	22.429.588.057	-
Công trình thủy điện Sanxay	42.608.970.359	-	43.774.911.647	-
Công trình khác	56.363.910.266	-	60.716.590.816	-
Cộng	179.727.419.047	-	207.751.558.818	-

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

Là chi phí sửa chữa tài sản.

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sử dụng đất (tại Đà Nẵng)	6.543.300.792	6.777.450.316
Công cụ dụng cụ	12.762.125	70.332.776
Chi phí trả trước dài hạn khác	909.540.739	462.544.380
Cộng	7.465.603.656	7.310.327.472

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	226.920.527.995	72.255.035.814	31.386.359.155	2.484.635.487	333.046.558.451
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	226.920.527.995	72.255.035.814	31.386.359.155	2.484.635.487	333.046.558.451
Trong đó: đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	17.693.763.929	72.255.035.814	29.560.778.239	317.093.745	119.826.671.727
Chờ thanh lý	-	-	695.617.143	1.886.362.180	2.581.979.323
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	31.696.884.262	71.776.162.548	30.865.890.839	2.380.282.902	136.719.220.551
Khấu hao trong năm	7.885.159.745	478.873.266	93.525.000	61.852.570	8.519.410.581
Số cuối năm	39.582.044.007	72.255.035.814	30.959.415.839	2.442.135.472	145.238.631.132
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	195.223.643.733	478.873.266	520.468.316	104.352.585	196.327.337.900
Số cuối năm	187.338.483.988	-	426.943.316	42.500.015	187.807.927.319

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 188.520.260.958 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình và Chi nhánh Hà Giang.

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Thương hiệu Sông Đà	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	1.620.000.000	500.000.000	55.809.000	2.175.809.000
Số cuối năm	1.620.000.000	500.000.000	55.809.000	2.175.809.000
Trong đó: đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	500.000.000	55.809.000	555.809.000
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	500.000.000	55.809.000	555.809.000
Khấu hao trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	-	500.000.000	55.809.000	555.809.000
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	1.620.000.000	-	-	1.620.000.000
Số cuối năm	1.620.000.000	-	-	1.620.000.000

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 1.620.000.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến giao dịch bán hàng nội bộ cho các công ty con. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	283.100.483	293.211.215
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(10.110.732)	(10.110.732)
Số cuối năm	<u>272.989.751</u>	<u>283.100.483</u>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<u>22.449.664.519</u>	<u>23.140.572.004</u>
Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	852.652.189	728.575.219
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	-	7.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	-	716.467.110
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	-	13.796.385
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	108.146.976	2.087.796
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	21.428.207.604	21.428.207.604
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	60.000.000	70.826.149
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	-	2.471.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	657.750	171.140.741
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<u>129.024.635.845</u>	<u>130.472.821.522</u>
Công ty Cổ phần Thiết bị điện Đông Anh	17.649.976.831	17.649.976.831
Công ty Cổ phần Nhật Nam	13.071.877.951	13.071.877.951
Công ty Cổ phần Cơ khí Hồng Nam	19.299.544.884	17.802.127.719
Các nhà cung cấp khác	79.003.236.179	81.948.839.021
Cộng	<u>151.474.300.364</u>	<u>153.613.393.526</u>

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<u>52.320.765.006</u>	<u>52.902.430.751</u>
Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	46.851.143.944	46.651.143.944
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	-	781.665.745
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	5.469.621.062	5.469.621.062
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<u>17.424.363.221</u>	<u>15.565.024.000</u>
Công ty Cổ phần Thủy điện Suối Mu	3.284.400.000	3.284.400.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Rào Trăng 4	-	2.714.213.179
B. Fouress Private Limited (BFL)	2.629.062.613	-
Các khách hàng khác	11.510.900.608	9.566.410.821
Cộng	<u>69.745.128.227</u>	<u>68.467.454.751</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phát sinh trong năm		Số cuối năm
	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã thực nộp	
Thuế GTGT hàng bán nội địa	54.964.962.912	4.680.140.377	(6.014.353.580)	53.630.749.709
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.588.201.445	-	-	7.588.201.445
Thuế thu nhập cá nhân	1.403.561.485	131.773.590	-	1.535.335.075
Thuế tài nguyên	404.687.515	1.817.360.561	(2.115.088.333)	106.959.743
Tiền thuê đất	6.671.117.684	2.996.399.812	(60.000.000)	9.607.517.496
Thuế bảo vệ môi trường	333.744.336	701.819.100	(1.033.403.436)	2.160.000
Các loại thuế khác	238.854.677	631.479.841	(10.183.693)	860.150.825
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	14.443.373.888	3.000.000	(3.000.000)	14.443.373.888
Cộng	86.048.503.942	10.961.973.281	(9.236.029.042)	87.774.448.181

Thuế giá trị gia tăng

Công ty mẹ và các công ty con nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

Hoạt động xây lắp tại Lào	0%
Hoạt động xây lắp, kinh doanh điện nước và dịch vụ khác	5 - 10%
Hoạt động thương mại	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Someco Hà Giang được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ Nhà máy Thủy điện Nậm Ly 1 trong 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2017 đến năm 2020) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo (từ năm 2021 đến năm 2029). Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian ưu đãi thuế là 10%.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Nhóm công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	34.892.072.429	26.439.549.414
Công ty TNHH Cơ khí Tân Hoàng Long - Tiền thi công	3.806.376.112	3.806.376.112
Công ty Cổ phần Cơ khí Hồng Nam - Thiết bị công trình Sanxay	-	1.818.168.460
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh	25.300.000	25.300.000
Chi phí trích trước tạm tính giá vốn công trình	23.249.876.837	23.901.884.906
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	725.000.000	-
Cộng	61.973.625.378	55.991.278.892

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>21.945.893.949</i>	<i>22.745.764.720</i>
Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	21.941.393.949	22.741.264.720
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	4.500.000	4.500.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>89.073.507.021</i>	<i>71.064.387.060</i>
Lãi vay phải trả	41.770.753.940	23.937.562.469
Kinh phí công đoàn	2.214.045.043	2.070.098.569
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	29.641.047.338	33.560.360.011
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.604.840.160	2.604.840.160
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	12.842.820.540	8.891.525.851
Cộng	<u>111.019.400.970</u>	<u>93.810.151.780</u>

18. Vay ngắn hạn/dài hạn

18a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	<i>2.027.453.211</i>	<i>2.027.453.211</i>
Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	2.027.453.211	2.027.453.211
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>210.159.327.486</i>	<i>215.368.689.467</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoà Bình ⁽ⁱ⁾	177.259.327.486	180.468.689.467
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Hồng Hà ⁽ⁱⁱ⁾	32.900.000.000	34.900.000.000
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang ⁽ⁱⁱⁱ⁾	-	2.999.522.000
<i>Vay ngắn hạn các cá nhân</i>	<i>350.341.077</i>	<i>3.282.341.077</i>
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)</i>	<i>24.887.552.792</i>	<i>15.140.129.760</i>
Cộng	<u>237.424.674.566</u>	<u>238.818.135.515</u>

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C, lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ, thời hạn vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của Công ty (xem thuyết minh số V.10 và V.11) và tài sản đảm bảo của bên thứ ba (xem thuyết minh VII.1b).

(ii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Hồng Hà để bổ sung nhu cầu vốn lưu động với lãi suất hiện tại là 9,5%/năm, thời gian hiệu lực của hạn mức tín dụng là 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 3.912.482 cổ phần phổ thông của Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1, giá trị cổ phần theo mệnh giá là 39.124.820.000 đồng.

(iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với hạn mức tối đa là 3.000.0000.000 VND. Thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất 10,5%/năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển	Số tiền vay đã trả trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
Vay ngắn hạn bên liên quan	2.027.453.211	-	-	-	-	2.027.453.211
Vay ngắn hạn ngân hàng	218.368.211.467	2.298.231.411	-	(10.507.115.392)	-	210.159.327.486
Vay ngắn hạn các cá nhân	3.282.341.077	209.500.000	-	(3.141.500.000)	-	350.341.077
Vay dài hạn đến hạn trả	15.140.129.760	-	15.000.000.000	(5.237.940.375)	(14.636.593)	24.887.552.792
Cộng	238.818.135.515	2.507.731.411	15.000.000.000	(18.886.555.767)	(14.636.593)	237.424.674.566

18b. Vay dài hạn

Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng ngày 12 tháng 02 năm 2009 và hợp đồng tín dụng bổ sung ngày 19 tháng 12 năm 2013 giữa Công ty Cổ phần Someco Hà Giang với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Hà Giang để thanh toán các chi phí đầu tư, mua sắm, xây dựng và các chi phí hợp lý khác cho việc thực hiện dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Ly 1 với hạn mức tối đa là 52.830.000.000 VND và 1.534.000 USD, thời hạn vay là 124 tháng, ân hạn 24 tháng, lãi suất bằng lãi suất huy động 12 tháng trả sau của Ngân hàng cộng 3,5%/năm, lãi suất được điều chỉnh 6 tháng 1 lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay là Nhà máy thủy điện Nậm Ly 1.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	109.263.018.061	132.648.498.161
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(15.000.000.000)	(23.385.480.100)
Số cuối năm	94.263.018.061	109.263.018.061

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	24.887.552.792	15.124.241.600
Trên 1 năm đến 5 năm	60.000.000.000	60.000.000.000
Trên 5 năm	34.263.018.061	49.278.906.221
Cộng	119.150.570.853	124.403.147.821

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	384.480.284	(36.600.000)	347.880.284
Quỹ phúc lợi	1.625.739.279	-	1.625.739.279
Cộng	2.010.219.563	(36.600.000)	1.973.619.563

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Năm trước						
Số dư đầu năm trước	83.536.200.000	11.927.177.227	42.340.512.899	(109.914.576.423)	4.837.733.136	32.727.046.839
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	(64.461.803.167)	(832.399.541)	(65.294.202.708)
Số dư cuối năm trước	83.536.200.000	11.927.177.227	42.340.512.899	(174.376.379.590)	4.005.333.595	(32.567.155.869)
Năm nay						
Số dư đầu năm nay	83.536.200.000	11.927.177.227	42.340.512.899	(174.376.379.590)	4.005.333.595	(32.567.155.869)
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	(31.951.317.470)	(266.135.913)	(32.217.453.383)
Số dư cuối năm nay	83.536.200.000	11.927.177.227	42.340.512.899	(206.327.697.060)	3.739.197.682	(64.784.609.252)

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	38.556.000.000	38.556.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	44.980.200.000	44.980.200.000
Thặng dư vốn cổ phần	11.927.177.227	11.927.177.227
Cộng	95.463.377.227	95.463.377.227

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	8.353.620	8.353.620
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	8.353.620	8.353.620
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	8.353.620	8.353.620

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 13.277,93 USD (số đầu năm là 323,14 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán điện thương phẩm	21.578.521.875	18.632.898.279
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	3.510.542.881
Doanh thu hợp đồng xây dựng	54.529.248.026	64.888.605.270
Doanh thu khác	1.020.500.000	296.499.600
Cộng	<u>77.128.269.901</u>	<u>87.328.546.030</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	9.551.887.473	-
Doanh thu xây lắp	-	-

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Là khoản giảm giá trị quyết toán công trình Bảo Lâm 1.

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của thương phẩm điện	9.940.683.793	11.063.189.885
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	883.439.926	2.709.596.010
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	65.514.428.170	65.683.711.310
Cộng	<u>76.338.551.889</u>	<u>79.456.497.205</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	2.740.333	3.269.491
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	13.854.153	3.260.400
Lãi tiền cho vay	172.102.107	-
Cộng	<u>188.696.593</u>	<u>6.529.891</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Chi phí tài chính

Là chi phí lãi vay.

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	7.926.634.592	9.391.983.916
Chi phí vật liệu quản lý	327.219.905	517.867.625
Chi phí đồ dùng văn phòng	45.764.774	129.696.931
Chi phí khấu hao tài sản cố định	155.377.570	160.170.132
Thuế, phí và lệ phí	10.000.000	13.000.000
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(17.867.031.630)	19.042.185.354
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.925.968.406	3.241.638.158
Các chi phí khác	863.358.583	2.553.868.951
Cộng	<u>(6.612.707.800)</u>	<u>35.050.411.067</u>

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi chậm nộp bảo hiểm xã hội	1.111.088.127	2.158.512.509
Thuế bị phạt, bị truy thu	2.811.489.836	1.133.765.635
Phạt vi phạm hành chính	103.996.097	330.000.000
Cộng	<u>4.026.574.060</u>	<u>3.622.278.144</u>

8. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	(31.951.317.470)	(64.461.803.167)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(31.951.317.470)	(64.461.803.167)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	8.353.620	8.353.620
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>(3.825)</u>	<u>(7.717)</u>

8b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	14.392.584.740	26.534.388.937
Chi phí nhân công	23.002.215.071	34.641.111.136
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.519.410.581	9.702.891.014
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.066.472.398	10.558.559.068
Chi phí khác	(20.186.617.432)	26.650.648.765
Cộng	42.794.065.358	108.087.598.920

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Nhóm công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.6a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm nay			
Ông Trần Thanh Sơn – Chủ tịch HĐQT	179.796.909	-	179.796.909
Ông Khiếu Mạnh Tuấn – Tổng Giám đốc/ Ủy viên	251.330.307	24.200.000	275.530.307
Bà Quang Thị Kim Dung – Ủy viên		3.854.545	3.854.545
Ông Lê Trọng Nghĩa – Ủy viên		24.200.000	24.200.000
Ông Phạm Văn Chiến – Ủy viên		24.300.000	24.300.000
Ông Vũ Anh Đoàn – Ủy viên		12.500.000	12.500.000
Bà Đỗ Thị Ngọc – Ủy viên		10.500.000	10.500.000
Ông Tạ Hoàng Cường – Thành viên BKS		111.540.653	111.540.653
Ông Lê Văn Tám – Thành viên BKS		18.149.999	18.149.999
Bà Ninh Thị Thu Huyền – Thành viên BKS	135.261.539	18.149.999	153.411.538
Cộng	566.388.756	247.395.196	813.783.952

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Tiền lương</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
Năm trước			
Ông Phạm Đức Trọng – Chủ tịch HĐQT		57.902.727	57.902.727
Ông Trần Thanh Sơn – Chủ tịch HĐQT từ tháng 4/2019	203.420.295	13.138.636	216.558.931
Bà Quang Thị Kim Dung – Ủy viên		29.978.181	29.978.181
Ông Phạm Minh Quyền – Ủy viên/Tổng Giám đốc		90.991.884	90.991.884
Ông Nguyễn Đức Doanh - Ủy Viên/Phó Tổng Giám đốc		94.265.582	94.265.582
Ông Phạm Văn Thường - Ủy viên		19.412.727	19.412.727
Ông Khiếu Mạnh Tuấn – Ủy viên/Tổng Giám đốc	86.244.482	17.372.727	103.617.209
Ông Lê Trọng Nghĩa - Ủy viên		29.978.181	29.978.181
Ông Nguyễn Thành Khánh - Ủy viên		8.000.000	8.000.000
Ông Phạm Văn Chiến - Ủy viên		8.290.910	8.290.910
Ông Tạ Hoàng Cường – Trưởng BKS		78.594.546	78.594.546
Ông Lê Văn Tám – Thành viên BKS		19.355.456	19.355.456
Bà Hán Thị Hồng Kiên – Thành viên BKS		1.251.818	1.251.818
Bà Ninh Thị Thu Huyền – Thành viên BKS		18.103.637	18.103.637
Cộng	289.664.777	486.637.012	776.301.789

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với nhóm Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	Công ty liên kết
Các công ty con và công ty liên kết của Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	Cùng Tập đoàn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các bên liên quan đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Nhóm công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng công ty Sông Đà – CTCP		
Lãi tiền vay vốn lưu động phải trả Tổng Công ty	315.915.230	291.862.641

Cam kết bảo lãnh

Ông Trần Thanh Sơn dùng tài sản cố định là xe ô tô Mercedes thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 750.000.000 VND (xem thuyết minh số V.18).

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.6a, V.13, V.14, V.17 và V.18a.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm công ty cung cấp.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Nhóm công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Xây lắp: Gia công, lắp đặt công trình cơ khí.
- Lĩnh vực Thủy điện: Sản xuất và kinh doanh thủy điện.
- Lĩnh vực khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm công ty như sau:

	Lĩnh vực Xây lắp	Lĩnh vực Thủy điện	Các lĩnh vực khác	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	49.694.639.567	21.578.521.875	1.020.500.000	72.293.661.442
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	49.694.639.567	21.578.521.875	1.020.500.000	72.293.661.442
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(15.819.788.603)	11.637.838.082	137.060.074	(4.044.890.447)
Chi phí không phân bổ theo bộ phận				(220.448.094)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.260.580.989	(1.303.389.283)	(344.483.906)	6.612.707.800
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(7.559.207.614)	10.334.448.799	(207.423.832)	2.347.369.259
Doanh thu hoạt động tài chính	174.127.731	14.543.209	25.653	188.696.593
Chi phí tài chính	(18.205.848.795)	(12.514.736.224)	-	(30.720.585.019)
Thu nhập khác	5.133	-	3.800.000	3.805.133
Chi phí khác	(3.899.477.312)	(28.781.272)	(98.315.476)	(4.026.574.060)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(10.110.732)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				(32.217.398.826)

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lĩnh vực Xây lắp	Lĩnh vực Thủy điện	Các lĩnh vực khác	Cộng
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	7.058.071.788	1.511.892.451	8.569.964.239
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	64.888.605.270	18.632.898.279	3.807.042.481	87.328.546.030
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	64.888.605.270	18.632.898.279	3.807.042.481	87.328.546.030
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(795.106.040)	7.569.708.394	1.097.446.471	7.872.048.825
Chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	(213.330.778)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(33.024.128.244)	(1.173.223.965)	(853.058.858)	(35.050.411.067)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(33.819.234.284)	6.396.484.429	244.387.613	(27.391.693.020)
Doanh thu hoạt động tài chính	2.789.398	3.615.601	124.892	6.529.891
Chi phí tài chính	(20.217.673.319)	(14.147.255.347)	-	(34.364.928.666)
Thu nhập khác	37.460.000	-	50.817.963	88.277.963
Chi phí khác	(3.207.587.652)	(85.605.905)	(329.084.587)	(3.622.278.144)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(10.110.732)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				(65.294.202.708)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		673.050.681	20.772.727	693.823.408
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.714.814.350	7.615.905.797	44.596.926	10.375.317.073

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

	Lĩnh vực Xây lắp	Lĩnh vực Thủy điện	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	619.485.536.108	203.109.093.670	8.960.996.392	(105.038.553.526)	726.517.072.644
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					39.850.064.271
Tổng tài sản					766.367.136.915
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	721.631.673.625	165.862.655.660	11.487.327.849	(69.803.530.530)	829.178.126.604
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					1.973.619.563
Tổng nợ phải trả					831.151.746.167
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	632.082.675.415	208.291.269.524	9.279.375.776	(102.253.678.711)	747.399.642.004
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					40.070.512.365
Tổng tài sản					787.470.154.369
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	702.859.140.040	168.394.940.297	11.321.991.410	(64.548.981.072)	818.027.090.675
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					2.010.219.563
Tổng nợ phải trả					820.037.310.238

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Nhóm công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Thông tin về hoạt động liên tục

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 Nhóm công ty tiếp tục lỗ 31.951.317.470 VND, số lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 206.327.697.060 VND và tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 205.682.870.826 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Nhóm công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập, ngày 20 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Lê Thị Xuân

Kế toán trưởng

Phạm Văn Hiện

Tổng Giám đốc



Khiếu Mạnh Tuấn